

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày: 02-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải.

Ông Đặng Song Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 586/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐ-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở số B, đường N, Phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thanh D, chức vụ: Tổng Giám đốc (Vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hoàng Trung H. Chức vụ: Giám đốc chi nhánh kiêm Trưởng phòng giao dịch (Vắng mặt).

(Theo Quyết định 3272/2022/QĐ-PL ngày 26-12-2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S).

- Người được ủy quyền lại: Bà Lê Thị Phương T. Chức vụ: CVQLTD và KSRR – Ngân hàng S (Có mặt).

Địa chỉ số F, đường C, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Theo Giấy ủy quyền số 55/2023/GUQ – PGD Rạch Dừa ngày 22-6-2023)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ số I, đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Phương T trình bày: Ngày 23-8-2022, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Thị H1 ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 472074-0929-VS C, loại thẻ Visa, theo đó, hai bên thỏa thuận hạn mức vay là 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), bà H1 được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần; Lãi suất trong hạn là 2,766%/tháng; Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau; Lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, bà H1 còn phải chịu các khoản phí khác theo thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H1 đã rút tổng số tiền là 39.778.000đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, bà H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.858.500đồng.

Sau đó, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo, nhắc nhở nhiều lần nhưng bà H1 không thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 27.332.736đồng của bà H1 sang nợ gốc và tính lãi quá hạn kể từ ngày 10-4-2023. Đồng thời, Ngân hàng có đơn yêu cầu Tòa án buộc bà H1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 40.827.693đồng (Bốn mươi triệu, tám trăm hai mươi bảy ngàn, sáu trăm chín mươi ba đồng), trong đó, nợ gốc là 27.332.736đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính từ ngày 10-4-2023 đến ngày 01-4-2024 là 13.494.957đồng và lãi phát sinh từ ngày 02-4-2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị H1: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà H1 vẫn vắng mặt không lý do.

3. Tại phiên tòa: Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác nhận tính đến thời điểm ngày 01-4-2024, bà H1 còn nợ ngân hàng với tổng số tiền là 40.827.693đồng, trong đó, nợ gốc là 27.332.736đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 01-4-2024 là 13.494.957đồng nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà H1 phải trả tổng số tiền trên và lãi phát sinh từ ngày 02-4-2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác

4. Đại diện VKSND TP Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 23-8-2022, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị H1 ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng, vay tiền với mục đích tiêu dùng cá nhân. Địa chỉ bà H1 cung cấp theo Hợp đồng tín dụng là số 988/47/69/28, đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay có tranh chấp xảy ra, Hội đồng xét xử xác định, quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại thời điểm ký kết hợp đồng cấp thẻ tín dụng, bị đơn cung cấp địa chỉ cư trú tại nhà số I, đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án, bị đơn thay đổi địa chỉ không thông báo cho nguyên đơn biết, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử xác định, bị đơn cố tình dấu địa chỉ nên Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND phường có địa chỉ bị đơn cung cấp tại thời điểm ký kết hợp đồng để xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn.

[2.1]. Xét yêu cầu trả nợ gốc: Mặc dù hàng tháng đã được Ngân hàng N nhưng quá 03 kỳ (mỗi kỳ 01 tháng) liên tiếp bà H1 vẫn cố tình vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 10-4-2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 27.332.736đồng của bà H1 tại thời điểm này sang nợ gốc. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bà H1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ gốc nào là vi phạm Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S kèm theo Hợp đồng sử dụng thẻ và vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà H1 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 27.332.736đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu trả nợ lãi: Tại thời điểm ký kết hợp đồng, hai bên thỏa thuận lãi trong hạn là 2,76%/tháng; Lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn (Mục 1.24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Từ thời điểm ngày 10-4-2023 đến ngày 01-4-2024 (xét xử sơ thẩm) là 357 ngày, bà H1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ lãi quá hạn nào nên bà H1 còn phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi quá hạn là:

$$((27.332.736\text{đồng} \times (2,76\%/tháng \times 150\%)):30\text{ngày} \times 357\text{ngày} = 13.494.957\text{đồng}$$

Từ phân tích [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng nên nguyên đơn đã chuyển nợ sang nợ gốc và tính lãi quá hạn đúng thời gian vi phạm, đúng các thoả thuận theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã cam kết và phù hợp với Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 40.827.693đồng, trong đó, nợ gốc là 27.332.736đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 01-4-2024 là 13.494.957đồng. Tính từ ngày 02-4-2024, bị đơn còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho đến khi bị đơn trả dứt các khoản nợ trên.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Áp dụng Điều 91, 94 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

[1]. Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là 40.827.693đồng (Bốn mươi triệu, tám trăm hai mươi bảy ngàn, sáu trăm chín mươi ba đồng), trong đó, nợ gốc là 27.332.736đồng (Hai mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn, bảy trăm ba mươi sáu đồng); nợ lãi quá hạn tính đến ngày 01-4-2024 là 13.494.957đồng (Mười ba triệu, bốn trăm chín mươi bốn ngàn, chín trăm năm mươi bảy đồng).

Tính từ ngày 02-4-2024, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 472074-0929 cho đến khi bị đơn trả dứt các khoản nợ trên.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.041.385đồng (Hai triệu, không trăm bốn mươi một ngàn, ba trăm tám mươi lăm đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 700.000đồng (Bảy trăm ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001366 ngày 09-10-2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án DS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thế Dũng